

BẢNG ĐIỂM (LẦN 1)

LỚP: CD Đ, ĐT 22ĐA
MÔN: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT
GV: PHẠM LÊ HẠNH NGUYỄN

HỌC KỲ: 5
SỐ TIẾT: 30
SỐ TC: 2
LOẠI: LT

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
1	0303211021	Hồ Xuân	Hậu	01/12/2003	7.0	6.1	8.0	7.1	
2	0303211025	Nguyễn Huy	Hoàng	06/06/1998	7.0	6.3	8.5	7.5	
3	0303211038	Huỳnh Thiên	Lạc	04/08/2003	7.0	5.1	3.5	4.5	
4	0303211334	Hồ Minh	Duy	03/10/2003	7.0	4.7	5.3	5.2	
5	0303211347	Nguyễn Duy	Hưng	20/06/1999	7.0	5.5	4.8	5.3	
6	0303211387	Nguyễn Ngọc	Thắng	09/04/2003	1.0	1.7	0.0	0.8	
7	0303221005	Nguyễn Quang	Bình	18/03/2004	0.0	0.9	0.0	0.4	
8	0303221007	Đồng	Cường	25/05/2003	7.0	6.1	3.8	5.0	
9	0303221009	Trần Quốc	Cường	24/09/2004	10.0	6.7	4.8	6.1	
10	0303221018	Bùi Viết	Hoàng	07/06/2004	10.0	7.9	6.5	7.4	
11	0303221024	Lê Quang	Huy	03/03/2004	10.0	7.2	5.0	6.4	
12	0303221028	Nguyễn Dương Anh	Khoa	01/03/2004	7.0	5.7	6.0	6.0	
13	0303221030	Phan Nguyễn Đăng	Khoa	29/10/2004	1.0	4.0	3.8	3.6	
14	0303221032	Lê Quốc	Kiệt	09/03/2004	7.0	3.3	3.5	3.8	
15	0303221039	Trần Hữu	Luân	20/06/2004	10.0	9.4	7.3	8.4	
16	0303221043	Ngô Thanh	Nam	02/06/2004	1.0	5.6	6.5	5.6	
17	0303221047	Huỳnh Trung	Nhân	09/07/2004	4.0	5.1	7.3	6.1	
18	0303221048	Nguyễn Công	Nhật	26/08/2004	7.0	6.5	7.3	7.0	
19	0303221050	Lê Nguyễn Tiến	Phát	22/12/2004	7.0	8.3	7.8	7.9	
20	0303221057	Trương Quốc	Tài	16/01/2004	4.0	9.1	6.8	7.4	
21	0303221058	Lê Thanh	Tâm	21/08/2004	10.0	8.0	6.8	7.6	
22	0303221059	Phạm Duy	Tâm	09/08/2004	10.0	10.0	8.5	9.3	
23	0303221060	Cao Nguyễn Thanh	Tân	15/09/2004	10.0	6.6	7.3	7.3	
24	0303221065	Phạm Mạnh	Thắng	21/08/2004	7.0	5.7	6.3	6.1	
25	0303221066	Trần Võ Hoàng	Thiện	28/01/2004	10.0	8.8	7.5	8.3	
26	0303221067	Nguyễn Tiến	Thịnh	06/11/2004	10.0	8.7	8.0	8.5	
27	0303221073	Lý Huỳnh Ngọc	Triều	05/08/2004	10.0	8.1	7.5	8.0	
28	0303221075	Nguyễn Trần Gia	Trí	20/09/2004	10.0	5.9	3.3	5.0	
29	0303221080	Nguyễn Sơn	Tùng	23/08/2004	7.0	6.8	4.5	5.7	
30	0303221082	Bùi Quang	Vinh	11/03/2002	10.0	8.6	7.3	8.1	
31	0303221336	Đới Hoàng Tuấn	Anh	12/03/2004	10.0	6.1	5.8	6.3	
32	0303221340	Lâm Duy	Bằng	05/02/2004	10.0	7.4	5.3	6.6	
33	0303221347	Nguyễn Phạm Thành	Đạt	09/07/2004	10.0	5.7	6.5	6.5	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
34	0303221358	Lưu Thái	Hòa	29/11/2004	1.0	5.9	5.0	5.0	
35	0303221360	Nguyễn Thanh	Hùng	28/08/2004	10.0	8.4	7.5	8.1	
36	0303221362	Bùi Thanh	Hữu	15/01/2004	10.0	6.9	9.0	8.3	
37	0303221364	Nguyễn Việt Thanh	Khoa	24/03/2004	10.0	8.0	5.5	7.0	
38	0303221366	Trần Quốc	Kiệt	10/01/2004	10.0	8.6	6.5	7.7	
39	0303221370	Hồ Bình	Nguyên	10/10/2004	10.0	8.0	6.0	7.2	
40	0303221371	Nguyễn Phúc Bảo	Nguyên	11/02/2003	10.0	5.9	6.3	6.5	
41	0303221373	Trần Trung	Nguyên	14/01/2004	7.0	5.9	4.0	5.1	
42	0303221378	Phạm Hồng	Phúc	16/07/2004	7.0	7.4	6.0	6.7	
43	0303221384	Nguyễn Phú	Quý	26/01/2004	7.0	8.1	7.5	7.7	
44	0303221397	Nguyễn Minh	Trắc	22/10/2004	4.0	7.2	6.0	6.3	
45	0303221398	Lương Minh	Triển	15/02/2004	10.0	7.8	7.8	8.0	
46	0303221401	Phan Đình	Trọng	27/10/2004	7.0	7.3	6.5	6.9	
47	0303221402	Nguyễn Thành	Trung	21/12/2004	4.0	5.3	1.8	3.4	
48	0303221405	Nguyễn Đình Khánh	Trường	18/03/2004	7.0	4.0	0.0	2.3	
49	0303221410	Nguyễn Hồng Phước	Tú	24/10/2004	10.0	8.1	6.0	7.2	
50	0303221414	Bùi Trường	Vũ	02/12/2004	10.0	6.6	6.5	6.9	
51	0303221580	Lữ Trung	Thái	20/12/2003	10.0	4.5	5.3	5.5	
52	0303201728	Phạm Quốc	Đạt	25/11/2002	7.0	5.6	5.0	5.4	HG-CĐĐ,ĐT21ĐD-QTSX
53	0303211361	Võ Thái	Ngọc	01/04/2003	7.0	8.0	5.0	6.4	HG-CĐĐ,ĐT21ĐA-QTSX

Thông kê	Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Số lượng (Tỉ lệ)	53(100%)	1(1.9%)	8(15.1%)	13(24.5%)	14(26.4%)	10(18.9%)	3(5.7%)	4(7.5%)

BỘ MÔN KINH TẾ

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

PHẠM LÊ HẠNH NGUYỄN